

Lưỡi Gươm Việt

Phần I - Nguyên Tác

1. Thép Vãn Lang lò Viêm Hồng nung đúc
Búa Lôi Truy rèn giữa bể dâu từng
Góp ba núi, năm sông đầy tấm dục
Sấm sét nhòang chớp múa lưỡi gươm cứng.
2. Thuở Vạn Kiếp tiên trao khét oanh liệt
Ngày Lục Niên đã hiện thét quang vinh.
Rửa lấy máu gột mài bằng xương thịt
Giết muông Hồ, thú Hán nức uy linh.
3. Như Bình Trọng nhờn nhờn giữ một mực
Tựa Lê Lai ngần ngật xung chín lần
Rửa lấy khí gột mài bằng trung trực
Sởn gai người chém đảo sóng ba quân.
4. Ví Bình Phú ngư long bay xào xạc
Bằng Phiến Minh tuyết lửa thổi chập chành
Rửa lấy óc gột mài bằng sáng tác
Nổi phong trần cuốn quét khắp đạn thanh.
5. Thép Vãn Lang toàn tinh thần tái luyện
Thép Vãn Lang sắc lên nhường bay biển
Lưỡi gươm Việt lại là gươm Duy Dân
Thế hệ mới mở văn minh hùng kiện.
6. Lưỡi gươm Việt vương đầu gồm thánh chiến
Lưỡi bảo kiếm, khí kiếm và tuệ kiếm
Quy long trận vung lên áp cổ kim
Vào hình sắc, ra không, huyền ảo biến.
7. Hỡi con nhà Lạc Âu nước trăm Việt
Hãy đứng dậy vung gươm khoa nửa triệt
Nổi mây mù sấm sét gió mưa ran
Cả vũ trụ hét lên ca kỳ tuyệt.
8. Quy long trận
Kỳ tuyệt ca.
Lý tưởng Việt chan chan ánh sáng lò
Lưỡi gươm Việt phối-phối hồn ông cha
Tráng sĩ Việt đường đường chí đạp ba.
9. Kỳ tuyệt ca
Quy long trận.
Đứng núi Tu Di cầm guồng Nam Bắc
Chém sắt Côn Ngô, thu đồ Hà Lạc
Cắt búi Kim Chiêm, bắt tiêm y Thát.
10. Cùng một lưỡi gươm vẫy nên Vạn Thắng
Cùng một lưỡi gươm trở đến thái bình
Muôn muôn năm còn mãi mãi chân hình
Vóc tinh thần thiết diện quý thần kinh.

4822 T.V.

Phần II - Chú Giải

A. Giải Nghĩa Những Câu Chữ Khó

Lưỡi gươm: Gươm hay kiếm cùng là thứ vũ khí. Trong 18 ban võ nghệ, người xưa sùng thượng thể kiếm hơn hết. Coi như đứng đầu, vì nó là thứ vũ khí ngắn, nhẹ so với các thứ khác, và người xưa thường dùng để chỉ huy với sức mạnh của thần khí hơn là sức mạnh của thể chất. Giá trị của kiếm được biểu dương trên mọi mặt. Từ việc đúc thép, luyện kim, rèn giữa nên một thanh kiếm, bảo kiếm, khí kiếm và tuệ kiếm, mỗi loại đều có những đặc tính thần

diệu của nó. Tuy nhiên, những đặc tính kia có biểu hiện được xứng đáng với những danh hiệu như đã nêu, còn phải nhờ vào những bàn tay sử dụng kiếm. Tất nhiên, phải là những bàn tay có tài nghệ tuyệt luân, có tinh thần lỗi lạc. Là những bậc anh hùng tạo thời thế, đồng thời cũng tạo nên những thanh danh sáng ngời cho những lưỡi gươm linh diệu kia.

Trên đây chỉ nêu một số mặt: Những lưỡi gươm và những người sử dụng gươm. Song chính là hai khía cạnh này đã tạo nên tinh thần kiếm hiệp với những kiếm khách giang hồ. Kiếm hiệp tinh thần võ sĩ đạo, v.v... Ngoài ra còn một tượng trưng cho tinh thần chiến đấu bất khuất, khí vũ hiên ngang, tài lược thao quân sự. Kiếm đi đôi với thư tượng trưng cho tài kiêm văn vũ, nói chung "một tấc gươm" là lý tưởng cao đẹp của người trai mà xưa nay người đời sùng bái tôn thờ.

Lưỡi gươm Việt không phải là một lưỡi gươm, không phải một người, mà cũng không phải một tinh thần nào như đã nói trên mà là tất cả tổng hợp lại, tác giả đã thu tóm mọi mặt, mọi giá trị, nghĩa là đem tất cả mọi tinh hoa từ muôn cõi đổ vào một lò đúc lên "lưỡi gươm Việt". Nói một cách khác, lưỡi gươm Việt là một biểu tượng cho tinh thần dân tộc Việt.

Thép Văn Lang: Tượng trưng cho thể chất rắn chắc, bền bỉ, tinh thần bất khuất, khí vũ hiên ngang, chiến đấu kiên cường. Tất cả những đức tính đó tạo thành bản ngã người Việt mà biểu tượng là "Thép Văn Lang".

Viêm Hồng: Danh hiệu dân tộc Bách Việt, lấy từ chữ Viêm = phương như Viêm bang, Viêm đế. Hồng = Hồng Bàng, Hồng Lạc...

Búa Lôi Truy: Búa tầm sét.

Ba núi, năm sông: Những con số ở đây là số biểu tượng cho số nhiều, chứ không nhất thiết phải hiểu là ba núi nào, năm sông nào. Nghĩa toàn câu là góp vào việc đúc thép rèn gươm bằng những tinh hoa sông núi cho thêm phần tầm dục.

Tầm dục: Tầm gọi cho nước thấm vào.

Vạn Kiếp: Thuộc làng Kiếp Bạc (Hải Hưng), nơi đức Trần Hưng Đạo đóng đại bản doanh khi chống quân Nguyên.

Tiên trao: Tác giả biểu dương thanh kiếm tiên trao cho đức Trần Hưng Đạo ở Vạn Kiếp thật là oanh liệt (phải chăng đây là thanh “Phi thiên thần kiếm” thượng đế đã hứa cho trước khi Thanh Tiên Đồng Tử vâng lệnh xuống trần?). (Theo Tản Viên Sơn Thánh Ngọc Phả có dẫn *Việt Điện U Linh* lục như sau: Năm đầu triều Trần, về phía đông nam sao Dực, sao Chấn thường có luồng khí trắng xông lên che khuất một vùng không gian. Đức Tản Viên Sơn Thánh biết rằng có nạn ngoại xâm, mới lên tâu thiên đình. Đức Thượng đế truyền ngọc dụ rằng “*Ai có thể vì trẫm quét sạch luồng khí trắng kia?*” Hãy nhận lấy “Phi thiên thần kiếm” và ấn cờ cùng bát bảo của Lão Tử, Ngũ Tài của Thái công, giáng sinh vào cửa nhà vua nước Nam làm một trung lương danh tướng, sau hóa đi làm danh thần chuyên cai quản sổ bạ hàng đời con cháu ở nhân gian chẳng? Bấy giờ có Thanh Tiên Đồng Tử xin đi rồi ứng sinh đức Trần triều Thái sư Thượng Phụ Thượng Quốc công Hưng Đạo Đại vương).

Ngày Lục Niên đã hiện: Thành Lục Niên ở núi Hồng Lĩnh thuộc tỉnh Nghệ An. Lê Lợi lấy ba nơi: Lục Niên, Lam Sơn và Hòa Bình làm thế tam giác địa động để chống Minh.

Đã hiện: Hiện ra nơi đồng nội. Theo truyền thuyết kể: Anh em Lê Lợi trước ngày khởi nghĩa, một đêm đi kéo vó, suốt đêm chẳng được con cá nào, mãi về sáng kéo lên thấy một vật gì nặng, không phải cá nên lại bỏ xuống, mế sau lại kéo lên cũng thấy vật ấy, vớt ra khỏi vó. Sau cũng lại vật ấy hiện vào như trước, bèn lấy lên coi, thì là một thanh sắt, đành nhặt lấy đem về. Về sau lấy thanh sắt ấy đúc kiếm. Đó là thanh kiếm thần. Sau ngày dẹp giặc Minh thành công, một ngày đẹp trời, vua ngự chơi hồ. Mặt hồ tự nhiên nổi sóng, lúc đó có con rùa to nổi lên bơi sát bên thuyền ngự. Vua toan tuốt kiếm ra phòng ngự thì rùa đã nhanh tước mất kiếm của vua. Sự kiện xảy ra như thế đem lại tư tưởng là việc phải trả lại kiếm thần. Vì vậy mới đặt tên hồ ấy là hồ Hoàn Kiếm (hồ trả gươm).

“Như Bình Trọng nhờn nhờn giữ một mực”: Trần Bình Trọng bị giặc bắt, giặc dụ hàng và hứa cho làm vua. Ông một mực trung kiên và khẳng khái nói: “*Thà làm ma nước Nam không thềm làm vua Bắc*”.

“Tựa Lê Lai ngắt ngắt xung chín lần”: Lê Lai khẳng khái thay vua Lê Lợi xông ra giữa chín lần gươm giáo chết để cho tương lai dân tộc sống.

Ví Bình Phú: Bình phú = Bài thơ bèo; tác giả là Giáp Hải (có tên là trạng Bèo).

Ngư long: Ngư = cá, long = rồng.

Khi Mạc Đăng Dung “*Dâng sớ đồ, quỳ gối chốn biên cương*” làm hoen ố nét đan thanh trong lịch sử ngoại giao của ta, nên bị bọn thiên triều khinh khi dòm ngó. Năm Đinh Dậu (1537) vua nhà Minh sai Cừu Loan làm đô đốc, Mao Bá Ôn làm tánt lý quân vụ đem quân sang đóng gần cửa Nam Quan, đưa bài thơ “Bèo” cho triều đình nhà Mạc với ngụ ý khinh khi, hỗn xược thách triều đình họa thơ.

Nhan đề: Bình (Bèo)
Phiên âm:

Đối lại những lời lẽ ngạo mạn và hỗn xược, Mạc Phú Hải cử trạng Giáp Hải tiếp sứ. Ông họa lại như sau:

Tùy điền trực thủy mạo ươg châm
Cầm lân mật mật bất dung châm
Không hữu căn miên, không hữu diệp
Cam sinh chi tiết, cảm sinh tâm
Đồ chi tự xứ minh tri tán
Đản thức phù thì ná thức trầm
Đại để trung thiên phong khí ác
Tảo quy hồ hải cánh nan tầm.

Đáo xứ khan lai thực bất châm
Đái diệp liên căn khởi tế thâm.
Thường dữ bạch vân tranh thủy diện
Khẳng giao hồng nhật trụ ba tâm
Thiên trùng lãng đả thành nan phá
Vạn trận phong suy vĩnh bất trầm
Đa thiếu ngư long tàng giá lý
Thái Công vô kế hạ cầu tầm.

Dịch

Mọc theo ruộng nước nhỏ như kim
Rễ bám nơi nao cũng chẳng thâm
Nào có căn niêu, nào có lá
Giám sinh chi tiết, giám sinh tâm
Tụ rồi đã chắc không khi tán
Nổi đó nào hay có lúc chìm
Đến độ trời chiều hơi gió lạnh
Quét về hồ biển hẩn khôn tìm.

Dịch

Khít khao vầy gắm khó lườn kim
Cành rễ liền nhau mọc rất thâm
Tranh với bóng mây trên thủy diện
Chọn ngay vầng nhật lọt ba tâm.
Nghìn trùng sóng đánh thường không vỡ
Muôn trận phong suy cũng chẳng chìm
Nào cá, nào rồng trong đó ẩn
Cần câu Lã Vọng biết đâu tìm.

Sự khinh khi ngạo-mạn đã bị quật ngược lại bằng tâm trí của bài học đanh thép, sắc bén, chặn đứng lại âm mưu thôn tính như hổ rình mồi của phương Bắc (Tàu). Như thế đánh giặc bằng trí tuệ có khác gì bằng kiếm. Ấy là tuệ kiếm.

Phiến Minh: Thơ ghi vào quạt. Thời nhà Trần, Mạc Đĩnh Chi đi sứ tại Trung quốc, người Tàu muốn thử tài xem nước nào có người tài trội hơn bèn ra chung một đề tài là “Phiến Minh” (thơ ghi vào quạt). Sứ giả Việt Nam làm bài vừa nhanh vừa trội khiến sứ giả Cao Ly (Đại Hàn) phải khiếp đảm, “*Bắc sứ phiến minh, Cao Ly đờm liệt*” (Thiên Nam tứ tự kinh), nói về Mạc Đĩnh Chi đi sứ phương Bắc làm bài minh quạt khiến sứ Cao Ly khiếp phục. Nguyên văn bài

như sau:

“Huy kim thước thạch, thiên địa vi lô. Nhử ư tứ thời hề; Y Chu cự nho.
Đông hàn thê thê, vũ tuyết tái đồ. Nhử ư tư thời hề; Di Tề ngũ phu; y!
Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù?...”

Dịch: “Ngày hè, cái nóng chảy đá tan vàng, trời đất như cái lò, lúc đó người cũng như Y Doãn, Chu công là bậc cự nho (đại nho). Mùa Đông, rét mướt căm căm, mưa tuyết ngập đường, lúc đó mi cũng như Bá Di, Thúc Tề là kẻ chết đói. Ôi! Cần dùng thì ta ra để hành động, đáng thôi thì ta ẩn tàng. Ta với người có thể chăng?” Đặc biệt câu kết này là chữ liền ở trong sách “Luận Ngữ” do chính Khổng Tử nói ra. Văn chương xưa mà làm được như thế đã là tuyệt diệu!

Dan thanh: Sơn xanh, sử xanh, lịch sử.

Vương đấu, Thánh chiến: Cuộc chiến đấu chính nghĩa, lấy đạo đức nhân nghĩa làm phương châm hành động, khác với những hành động quỷ quyệt của bá đạo.

“*Vào hình sắc, ra không, huyền ảo biến*”: Có tính cách thời gian.

Vào: Nhập thế hành động bằng hình thức sức mạnh, cách mạng bằng vũ công. Ra không: Xuất thế bằng văn tự kiến thiết, thái bình (vô vi).

Khoa nửa triệt: Triệt = vòng bánh xe; khoa = khoa, vung tay, múa, coi như một thế gươm đặc biệt.

Quy long trận và Kỳ tuyết ca:

Vốn dĩ có hai câu: “Quy long trận và Kỳ tuyết ca”, một dương và một âm. Không muốn để âm dương phải tri trệ nên tác giả đã diễn tả làm hai đoạn để đảo lộn vị trí, hai câu đã trở thành bốn thế là âm dương đã hỗ tương hòa hợp. Ý kiến trên đây lại nhóm lên một lần nữa, tức là bốn thành tám mà sự hòa hợp cũng thế thôi. Và lại từ trước nay trong mấy bản kể cả những bản đã in đều thấy có hai đoạn và bốn câu. Dù sao chúng tôi cũng nêu ra đây để rộng đường tìm hiểu. Về phần chúng tôi hiểu nghĩa như sau:

Quy Long trận (Lạc Thư) – (Văn tự vô vi)
Mặt trận (Cửu trù Hồng Phạm) – Kiến quốc (xuất thế)

Quy = rùa (thần Kim Quy) – Sách lược về (Ra không)
(Thành ốc, nỏ thần) – Thủ quốc (Huyền ảo) Âm
Mặt trận (Long Mã = Hà Đồ) – (Võ công hữu vi)

Long = Rồng (Biểu tượng) - (Nhập thế)
(Sức mạnh phá hoại) - (Vào hình sắc) Dương

Kỳ tuyệt ca: Mặt trận văn hóa, xã hội, hòa bình, thái bình- vạn xuân.

Núi Tu Di: Palmir, Hy Mã Lạp Sơn, đỉnh núi cao nhất thế giới. Đứng trên điểm cao nhất để cầm cái trục trung tâm, xoay guồng máy Nam Bắc, nghĩa là quay theo đà vận động của vũ trụ, cũng như có chỗ tác giả đã viết: "*Nam Bắc không ngừng xoay Tý Ngọ.*"

Sắt Côn Ngô: Gươm Côn Ngô chém ngọc, chém đá như chém bùn (*Vân Đài Loại Ngữ* của Lê Quý Đôn, mục phẩm vật loại, trang 484).

Cắt búi Kim Chiêm - Bắt tiêm y Thát: Mặc dầu tìm không ra câu giải nghĩa, chúng tôi phỏng đoán: Cắt búi tóc (chém đầu) của giặc Kim - rách áo giặc Thát sau khi gặt giáo (đâm người).

Chân hình: Hình ảnh chân thực.

Thiết diện: Nói có một bề mặt như sắt, nghĩa là rắn chắc, trường tồn.

B. Đại Ý Tổng Quát

Đại ý bài này, tác giả tả lưỡi gươm Việt để làm biểu tượng cho tinh thần dân tộc, phát huy về mọi mặt, mọi giá trị tinh hoa, bén nhọn, anh dũng và uy linh. Do đó để kêu gọi: Dân trăm nhà Lạc Âu nước trăm Việt đứng dậy vùng gươm của ông cha làm cho nổi những trận mây mù sấm sét gió mưa ran cho cả vũ trụ hét lên trong lời ca Kỳ Tuyệt, lời ca trong thái bình vạn xuân.

C. Ý Nghĩa Về Chi Tiết

Lưỡi gươm Việt đúc bằng thép Văn Lang trong lò Viêm Hồng, được rèn giữa bằng búa lôi truy là búa tầm sét của nhà trời, và được dãi dầu qua từng lớp bể dâu, được tưới dội thấm nhuần tinh hoa của ba núi năm sông, cho nên khi múa lên là cả một bầu trời sấm sét, chớp nhoáng đó là lưỡi gươm quý báu nhất trong trời đất. Lưỡi gươm mà thuở ở Vạn Kiếp, Tiên trao cho đức Trần Hưng Đạo thanh "Phi Thiên Thần Kiếm" ấy trong tay người anh hùng Hưng Đạo đã từng rít lên một cách oanh liệt trong những trận tiêu diệt quân Nguyên (Mông Cổ). Cũng như lưỡi gươm ngày ở Lục Niên hiện ra nơi đồng nội để trao vào tay người anh hùng Lê Lợi. Trong mười năm chống giặc, ánh thép thét lên

từng hồi là quân Minh phải đổ ra từng núi xương sông máu, để đem lại sự thắng lợi quang vinh cho dân tộc. Đây là những lưỡi gươm rửa bằng máu, gọt mài bằng xương thịt, những lưỡi gươm giết muông Hồ, thú Hán một cách rất uy linh.

Sự sắc bén của sắt thép vung ra có thể làm hàng loạt người chết, máu chảy thành sông, cây nằm chặt đất. Sự sắc bén của “khí vũ hiên ngang”, “tinh thần bất khuất” đã làm khiếp nhược cả một lũ cuồng bạo, làm nhụt hẳn cái nhuệ khí tàn bạo của bọn thiên triều. Như Trần Bình Trọng nhơn nhơn một mực nói: “*Thà làm ma nước Nam chứ không làm vua đất Bắc*” cũng như Lê Lai khảng khái xông ra giữa chín lần gươm giáo chết để cho tương lai dân tộc sống. Cái chính khí ngần ngật làm tan rã chín vòng vây của quân Minh – Hai kiếm khí trên đây được gọt mài bằng tinh thần trung trực, đã làm sồn gai hết mọi người, đã chém đảo, chặn ngược lại làn sóng địch quân ầm ầm xô tới.

Lưỡi tuệ kiếm còn có giá trị sắc bén tuyệt vời, làm áp đảo cả tinh thần kẻ địch, làm sức mạnh đẩy lui cả một âm mưu thôn tính, xua đuổi cả một đoàn quân tàn bạo như hổ đói rình mồi. Đó là tinh thần sáng tác, ví như bài “*Bình Phú*” của trạng Giáp Hải. Chỉ mới lú ra một chút lực lượng “*Ngư long bay xòạc*” cũng đủ làm cho con cháu Khương Thái Công phải hết vía.

Lại nữa, như bài “*Phiến Minh*” của Mạc Đĩnh Chi với sức “*Tuyết lửa thổi chập chành*” cũng làm choáng váng đầu óc bọn thiên triều.

Sự sắc bén của tuệ kiếm là rửa lấy óc để gọt mài bằng sáng tác, tạo ra sức mạnh làm bùng lên những cơn gió bụi cuốn quét đi hết cái gọi là đan thanh của đối phương.

Thép Văn Lang được nung đi đúc lại, rèn giữa, gọt mài từ thời đại này qua thời đại khác, càng tôi càng già, càng luyện càng tinh, thần khí mỗi lúc một thăng hoa, cho nên gọi là toàn tinh thần tái luyện. Ánh thép vung lên như bay như biển. Lưỡi gươm Việt ngày nay lại là gươm Duy Dân. Bởi chiến sĩ Duy Dân là những con người của thế hệ mới. Vì nhiệm vụ của thời đại đứng lên “*Cầm thanh gươm của ông cha; Phấn hồn xưa giết giặc đòi lại nhà*” để kiến tạo một nền văn minh hùng kiện và vinh quang.

Lưỡi gươm Việt dùng vào những cuộc chiến đấu vương đạo, mở ra những cuộc thánh chiến bằng chính nghĩa cao cả là cứu nước giữ nòi. Bằng những lưỡi bảo kiếm là những thanh gươm Thần gửi Tiên trao vào tay những bậc

anh hùng cái thế. Bằng khí kiếm: Tinh thần bất khuất, lòng khảng khái, chí hiên ngang, và bằng tuệ kiếm, hồn sáng tác chan chan. Đem tập trung lại những thể kiếm anh linh vào một mặt trận Quy Long vung lên làm áp đảo cả cổ kim. Trong mặt trận Quy Long gồm có:

- 1- Vào: Đường lối nhập thế, hữu vi áp dụng một hình sắc như cách mạng tấn công, bằng sức mạnh võ công để đạt tới vạn thắng.
- 2- Ra: Đường lối xuất thế, vô vi nhi trị, kiến thiết một nền hòa bình (ra không).

Dưới đây là lời hiệu triệu:

Hỡi toàn thể con nhà Lạc Âu giống trăm Việt, hãy đứng lên, vung gươm trong thế nửa triệt làm nổi mây mù, sấm sét, gió mưa ran cho cả vũ trụ hét vang lên trong lời ca Kỳ Tuyệt là khúc ca hòa bình muôn thuở.

Trận Quy Long tiếp đầu khúc ca Kỳ Tuyệt là lý tưởng của dân tộc Việt nền lý tưởng chan chan ánh sáng hòa bình. Lưỡi gươm Việt tỏa ra ánh hào quang phơi phới hồn của ông cha. Những người chiến sĩ Việt sẽ đường đường chính chính mang chí lớn cõi sống cả lập công cao.

Nhắc lại cái lý tưởng “Kỳ Tuyệt Ca” và “Quy Long Trận” để tiến lên. Đứng trên núi Tu Di nơi đỉnh cao nhất thế giới để cầm gươm thiêng, để quay guồng Nam Bắc, nắm vững lấy thời cơ thực hiện lý tưởng cao cả của mình. Vung gươm ra chém sắt Côn Ngô, theo giữ lấy Hà Đồ, Lạc Thư để áp dụng những nguyên lý vũ trụ vào công cuộc *cắt búi Kim Chiêm và bắt tiêm y Thát*. Cùng một lưỡi gươm vấy nên để thu về Vạn Thắng, cùng một lưỡi gươm trở đến đem lại cuộc thái bình, giữ vững lấy hình thái chân thực một nền hòa bình muôn thuở để nêu cao tầm vóc tinh thần trong thanh gươm sắt đã làm cho quỉ khốc thần kinh.

D. Bình Luận

Lấy lưỡi gươm làm biểu tượng cho tinh thần dân tộc, tác giả đã dụng ý và cố công đúc nên một thanh gươm có giá trị cả về mọi mặt: Thể và dụng, hình thức cũng như nội dung, tất xứng đáng làm tiêu biểu cho một dân tộc có nhiều đức tính của Việt.

Nguồn gốc phát sinh ra lưỡi gươm Việt: Thép Văn Lang, lò Viêm Hồng là yếu

tổ chủ quan nung đúc nên; được búa Lôi Truy, búa tầm sét nhà trời là yếu tố tự nhiên vũ trụ khách quan rèn giũa, dải dẫu qua thời gian trải bao cuộc biến thiên dâu bể, được tưới dội thấm nhuần những tinh hoa của núi sông. Ngàn ấy yếu tố tổng hợp lại trở thành lưỡi gươm sắc bén toàn tài năng, toàn kỳ diệu và mức uy linh.

Gồm có ba loại: Bảo kiếm, khí kiếm và tuệ kiếm:

Bảo kiếm là những thanh gươm do Tiên trao, Thần gửi vào tay những bậc anh hùng cái thế với một sứ mệnh thiêng liêng là dùng nó để trở tài trí thánh hành vương ra mà cứu nước giữ nòi, dẹp tan loài cường bạo ngoại xâm, giữ vững giang sơn, dựng nền hòa bình thịnh vượng. Như thuở Vạn Kiếp tiên trao, mà người được ủy thác là đức Trần Hưng Đạo, người đã vung lưỡi bảo kiếm oanh liệt rít gió gào mưa, tảo thanh quân xâm lược Nguyên Mông giành độc lập vinh quang cho Tổ quốc.

Cũng như ngày Lục Niên, gươm thần hiện ra nơi đồng nội để gửi vào tay người anh hùng Lê Lợi. Ánh thép được vung lên sáng ngời chính nghĩa, thét lên những trận quang vinh, nêu cao cờ Bình Ngô đại cáo. Đến như những khí kiếm là những lưỡi gươm có sức bén nhọn bằng khí tiết của lòng trung trực, khảng khái, kiên cường bất khuất của những bậc anh hùng, lấy hùng khí áp đảo quân gian làm cho quỷ khốc thần kinh như Trần Bình Trọng nhơn nhơn một mực, cũng như Lê Lai ngật ngật xung chín lần gươm giáo quyết chết cho dân tộc sống còn.

Lưỡi tuệ kiếm: Bằng sức óc sáng tác, chỉ dùng một lời thơ đẩy lui hàng vạn quân xâm lược thế như hổ đói rình mồi. Những lời lẽ trong bài "Bình Phú" của Giáp Hải thật xứng đáng là một lời nói "hưng bang".

Cũng như lời văn "Phiến Minh" của Mạc Đĩnh Chi, có sức mạnh ghê gớm như tuyết lửa thổi chập chành; hết làm tê buốt lòng người bằng lời tuyết phủ trời đông, đến lượt làm toát mồ hôi, ngạt hơi thở của đối phương bằng ánh lửa nóng trời hè chảy đá tan vàng. Còn làm rạng rỡ nét vàng son trong trang sử ngoại giao.

Kiểm gồm có ba loại: Bảo kiếm, khí kiếm và tuệ kiếm đã vung lên, mở ra từng khoảng thời gian oanh liệt, ly kỳ và rực rỡ lịch sử Việt. Nét vàng son còn tươi thắm mãi muôn đời. Đó là những lưỡi gươm Việt phối phối hồn ông cha. Là lý tưởng Việt luôn luôn ấp ủ trong tâm hồn tráng sĩ Việt những con người

đường đường mang chí đội trời đạp sóng một cách hiên ngang.

Dĩ vãng oanh liệt là nhường ấy, hiện tại phải nên như thế nào? Còn tương lai?... Hãy nghe lời hiệu triệu: "*Hỡi con nhà Lạc Âu giống trăm Việt! Hãy đứng dậy vung gươm khoa nửa triệt*" xông vào trong mặt trận "Quy Long" làm nổi mây mù sấm sét gió mưa ran. Cho cả vũ trụ hét vang lên lời ca "Kỳ Tuyệt".

Lời hiệu triệu đã ban bố! Khí thế chiến đấu đã sôi nổi sẵn sàng xông vào mặt trận "Quy Long"! Nhưng mà mặt trận Quy Long như thế nào? Trước khi hành động nếu không quán triệt đường hướng chiến đấu, chiến thuật, chiến lược, tiến thoái ra sao thì làm thế nào? Chúng ta cần phải tìm hiểu:

A/ Quy: Rùa

* Theo quan niệm cổ, Rùa là con vật đứng hàng ba trong bốn con vật có đặc tính linh thiêng (tứ linh: long, ly, quy, phụng).

* Rùa có lưng tròn tượng trời, bốn chân tượng đất, móng rùa là tinh hoa của đạo trời đất.

* Trong cách mạng, rùa biểu tượng cho phần xây dựng (kiến thiết).

* Lưng rùa phát ra nguyên lý của Lạc Thư, là phần điều dụng của Hà Đồ. Có 9 phạm trù, triển khai ra Hồng Phạm (phép lớn), sách lược lớn về đạo xây dựng.

* Thần Rùa (Thần Kim Quy) giúp An Dương vương xây dựng sách lược phòng thủ (Nỏ thần, thành xây tròn ốc).

* Tóm lại: Biểu tượng, lý thuyết kiến quốc. Sách lược thủ quốc, văn trị. Xuất thế: "*Ra không huyền ảo biến*", đặc tính âm.

B/ Long: Rồng

* Rồng đứng hàng đầu trong tứ linh.

* Long mã mang Hà Đồ (nguyên lý về bản thể của đạo trời đất).

* Rồng biểu tượng sức mạnh phá hoại, là cách mạng bằng võ công đường lối: Hữu vi, nhập thế: "*Vào hình sắc . . .*", đặc tính dương.

Nói chung: Quy Long trận là một trận lý tưởng, là cuộc cách mạng đại quy mô gồm 2 tầng 3 mặt (tham thiên lưỡng địa). Trong cách mạng, rồng là sức mạnh phá hoại, đường lối "hữu vi" nhập thế: *Vào hình sắc . . .* đặc tính dương.

Cách mạng của Long đồng thời phải đi liền với kiến thiết của Rùa. Vì rùa là lý thuyết về kiến quốc, là sách lược thủ quốc, là văn trị, đường lối vô vi, xuất thế: *Ra không huyền ảo biến*, đặc tính âm. Thành quả cuộc cách mạng kiến thiết của mặt trận quy long: Kỳ tuyệt ca, khúc hòa tấu Thái bình vạn xuân./.